| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>XÃ HOẰNG PHỤ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 08 /BC-UBND | *Hoằng Phụ, ngày 08 tháng 3 năm 2022* |

# BÁO CÁO

**Thực hiện công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn xã Hoằng Phụ giai đoạn 2018-2021.**

Thực hiện kế hoạch số 79/KH-HĐND ngày 25/02/2022 của Thường trực HĐND tỉnh Thanh Hóa về giám sát "Việc cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2021".

UBND xã Hoằng Phụ báo cáo với các nội dung cụ thể như sau:

## I. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.

### 1. Việc phổ biến, quá triệt, tuyên truyền về công tác CCHC:

Hàng năm UBND xã đã ban hành kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính. Thông qua kế hoạch, đã thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền về CCHC với nhiều hình thức, đa dạng, phong phú, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Kết quả: từ năm 2018-2021 đã lồng ghép với 50 hội nghị, tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh 80 lượt. Thông qua các hội nghị và hệ thống truyền thanh xã đã phổ biến, tuyên truyền về chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2021, kế hoạch CCHC của tỉnh, huyện xã và các văn bản khác về công tác CCHC để nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và tầng lớp nhân dân về vai trò, ý nghĩa của công tác CCHC, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn xã.

### 2. Việc thực hiện kế hoạch cải cách hành chính:

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 14/01/2018 về việc thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2018, Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 25/12/2018 về việc thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2019, Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 27/12/2019 về việc thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2020, Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 31/12/2020 về việc thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2021, Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 09/11/2021 về việc thực hiện công tác Cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025 để triển khai thực hiện đồng bộ cả 6 nội dung CCHC, đồng thời ban hành các văn bản để triển khai thực hiện Kế hoạch về triển khai công tác phổ biến, giáo pháp luật, về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, về thực hiện kiểm soát TTHC; về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn xã; Kế hoạch tự kiểm tra CCHC; phân công nhiệm vụ cho từng cán bộ, công chức.

- Kết quả: Hàng năm đều hoàn thành các nhiệm vụ được đề ra trong kế hoạch, được UBND huyện xếp loại từ mức hoàn thành tốt đến xuất sắc.

**3. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC.**

- UBND xã, Chủ tịch UBND xã liên tục có các văn bản chỉ đạo, điều hành để thực hiện có hiệu quả công tác CCHC, như: Công văn số 47/UBND-VP ngày 15/8/2018 V/v thực hiện chủ trương chuyển phát các TTHC công qua bưu điện, Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 Về việc ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND xã Hoằng Phụ; Công văn số 10/UBND-VP ngày 12/3/2021 V/v Tăng cường việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ dịch vụ công mức trực tuyến; Công văn số 10/UBND-VP ngày 07/3/2018 V/v tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính tại cơ quan; Công văn số 22/UBND-VP ngày 04/6/2020 V/v Thực hiện Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 18/5/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh; Công văn Số: 36/UBND-VP ngày 09/11/2021 V/v Khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ CCHC"...

- Các văn bản chỉ đạo được gửi đến cán bộ, công chức và phổ biến tại hội nghị UBND xã thường kỳ hàng tháng và các hội nghị khác có liên quan.

- Công tác CCHC của địa phương hàng năm không tổ chức sơ kết, tổng kết riêng mà lồng ghép với các hội nghị sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nhiệm vụ KT-XH, QP-AN.

**4. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính.**

Ngoài những năm được UBND huyện kiểm tra theo định kỳ, thì UBND xã đều xây dựng và ban hành kế hoạch tự kiểm tra CCHC (Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 15/3/2019 về KH tự kiểm tra công tác CCHC năm 20191, kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 24/02/2021về KH tự kiểm tra công tác CCHC năm 2021). Đồng thời giao công chức VPTK phụ trách công tác CCHC, có trách nhiệm đôn đốc công chức chuyên môn, các bộ phận nghiêm túc thực hiện các văn bản của Chính phủ, của tỉnh, huyện, xã về công tác CCHC.

**II. Kết quả thực hiện công tác CCHC.**

**1. Cải cách thể chế:**

- Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo quyđịnh của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình, thẩm định, rà soát các văn bản áp dụng quy phạm pháp luật do HĐND, UBND xã ban hành, trên cơ sở điều chỉnh phạm vi thực hiện cho phù hợp với tình hình địa phương, phù hợp với điều kiện kinh tế, nhận thức của nhân dân.

- Chỉ đạo các công chức chuyên môn thường xuyên theo dõi cập nhật các văn bản Quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống văn bản QPPL tại cổng thông tin điện từ Thanh Hóa. Thực thi phương án đơn giản, gọn nhẹ thủ tục hành chính để mọi người dân tiếp cận dễ ràng.

- Kiểm tra, thẩm định hình thức, kỹ thuật trình bày văn bản trên cơ sở đó khắc phục những tồn tại, hạn chế để văn bản sau ban hành chặt chẽ, lô gic hơn văn bản trước, thực hiện tốt các quy định của nhà nước trong lĩnh vực ban hành văn bản.

- Công tác theo dõi, quản lý, lưu trữ, kiểm soát văn bản đến và đi: Do UBND xã chưa có bộ phận văn thư lưu trữ riêng, nên đã giao cho công chức văn phòng thống kê kiêm nhiệm. Công tác theo dõi, quản lý, lưu trữ, kiểm soát văn bản đi và đến được thực hiện nghiêm túc. Các văn bản được vào sổ, theo dõi, quản lý, lưu trữ đúng quy định. (Lưu trữ trên phần mềm QLVB&HSCV và lưu trữ bằng bản cứng, sổ theo dõi).

**2. Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.**

***2.1/ Kiểm soát TTHC:***

UBND xã thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá TTHC trên tất cả các lĩnh vực nhằm thống kê, cập nhật, kịp thời phát hiện những quy định TTHC không còn phù hợp để đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoặc bãi bỏ theo quy định.

***2.2/ Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.***

- Thực hiện tốt Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Công khai thủ tục hành chính: 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được niêm yết công khai tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả và trên trang thông tin điện tử của xã.

- Tổ chức niêm yết công khai các thủ tục hành chính và quy trình giải quyết hồ sơ, thu phí, lệ phí, thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, đồng thời đăng tải công khai 100% TTHC trên cổng điện tử của xã.

- Ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả. Duy trì và thực hiện tốt việc đưa TTHC đã được công bố và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Thực hiện giải quyết TTHC đúng quy trình, thời gian giải quyết, phí và lệ phí đảm bảo theo quy định.

- Thực hiện tốt việc công khai kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và Trang thông tin điện tử của các xã (địa chỉ http://hoangphuj.hoanghoa.gov.vn/web/cong-khai-ket-qua-giai-quyet-tthc).

- Kết quả giải quyết TTHC trong năm 2018-2021: Được thể hiện trong biểu mẫu kèm theo.

**3. Cải cách tổ chức bộ máy**

- Thực hiện có hiệu quả quyết định số 1100/2017/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND Tỉnh Thanh Hóa quản lý.

- Thực hiện quy chế hoạt động của UBND xã nhiệm kỳ 2016-2021.

- Thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao, tăng cường kỷ Luật trong công tác, củng cố xây dựng mối quan hệ phối hợp, lề lối, tác phong làm việc, công tác nội bộ UBND xã khi tiếp dân giữ gìn tốt mối đoàn kết giữa cán bộ - nhân dân giữa cơ quan UBND với các thôn, làng

**4. Cải cách công vụ**

- Thực hiện quy định về chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 26/2015/NQ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ; Nghị định 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Đến nay, xã Hoằng Phụ có 22 cán bộ, công chức được sắp xếp theo vị trí làm việc, chức danh theo quy định.

- Chấp hành tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức theo kế hoạch của UBND huyện về đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức. Trong các năm từ 2018 đến năm 2021 toàn xã có hơn 170 lượt cán bộ, công chức tham gia các lớp đạo tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng hành chính.

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 01/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh và Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác quản lý nhà nước; đẩy mạnh công tác kiểm tra, răn đe, nhằm phát hiện kịp thời khắc phục tình trạng cán bộ, công chức, có hành vi sách nhiễu, gây phiền hà, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ. Do vậy trong năm 2021 không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật.

**5. Cải cách tài chính công.**

- UBND xã đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công . Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nghị định của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cấp xã, chế độ được phân công, quản lý, sử dụng, mua sắm dùng tài chính công.

- Thông báo công khai trên hệ thống truyền thanh việc thu, chi các khoản do nhân dân đóng góp để xây dựng cơ sở hạ tầng, nông thôn mới để mọi người hiểu nâng cao tính đồng thuận trong quần chúng nhân dân.

**6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử.**

*6.1/ Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ hành chính nhà nước tại địa phương.*

- Hiện nay tại các phòng ban chuyên môn đều trang bị đầy đủ các cơ sở vật chất phục vụ công việc chuyên môn, như  máy tính, máy in, tủ, kệ, bàn ghế …..

+ Máy tính cây: 9 bộ  + Máy in: 21

+ Máy Laptop: 11 cái

+ Máy scan: 01

- Hệ thống mạng Internet được kết nối tới tất cả các máy.

- Đã sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ văn bản, điều hành công việc; phần mềm một cửa điện tử, xã có trang thông tin điện tử.

*6.2/ Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính.*

Đã công bố lại hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND xã Hoằng Phụ.

**III. Kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính.**

*Chi tiết tại phụ lục 1,2, 3 kèm theo*

**IV. Nhận xét, kiến nghị.**

**1. Nhận xét chung.**

Công tác CCHC tại địa phương luôn được cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm, trực tiếp chỉ đạo, điều hành. Đến nay, nhiệm vụ CCHC mà đặc biệt là cải cách thủ tục hành chính được xem là nhiệm vụ trọng tâm, xuyết suốt mà cán bộ, công chức xã phải thực hiện. Với mục tiêu giải quyết công việc nhanh chóng, thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, nên trong các năm qua, UBND xã đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên liên tục rà soát, đơn giản hóa TTHC, cắt giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân trong giao dịch hành chính.

**2. Kiến nghị:** Không

Trên đây là báo cáo Thực hiện công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn xã Hoằng Phụ giai đoạn 2018-2021. UBND xã Hoằng Phụ báo cáo doàn giám sát của HĐND tỉnh thực hiện giám sát theo quy định.

*Nơi nhận :*
- UBND Huyện (b/c)
- Phòng nội vụ (b/c)
- Đảng uỷ- HĐNDxã (b/c)
- Thành viên UBND, Công chức xã
- Lưu VP

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Danh Diệu**

**Phụ lục 1**

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA UBND XÃ HOẰNG PHỤ GIAI ĐOẠN 2018-2021**

| STT | Chỉ tiêu thống kê | Đơn vị tính | Kết quả thống kê | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | |
| **1** | **Công tác chỉ đạo điều hành CCHC** | | | | | | |
| ***1.1*** | ***Kế hoạch CCHC*** | | | | | | |
| 1.1.1 | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 20 | 20 | 22 | 22 | |
| 1.1.2 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 20 | 20 | 22 | 22 | |
| 1.1.3 | Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành | Văn bản | 6 | 6 | 8 | 9 | |
| ***1.2*** | ***Kiểm tra CCHC*** | | | | | | |
| 1.2.1 | Số bộ phận, công chức chuyên môn cấp xã đã kiểm tra | Bộ phận, công chức | 4 | 4 | 4 | 4 | |
| 1.2.2 | Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra | Vấn đề | 3 | 2 | 1 | 1 | |
| 1.2.3 | Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong | Vấn đề | 3 | 2 | 1 | 1 | |
| ***1.3*** | ***Kế hoạch tuyên truyền CCHC*** | | | | | | |
| 1.3.1 | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | 5 | 5 | 5 | 5 | |
| 1.3.2 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | 5 | 5 | 5 | 5 | |
| 1.4 | Sáng kiến/giải pháp mới về CCCHC | Số lượng | 0 | 0 | 0 | 0 | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **2** | **Cải cách thủ tục hành chính** | | | | | | |
| ***2.1*** | ***Thống kê số TTHC*** | | | | | | |
| 2.1.2 | Số TTHC công bố mới | Thủ tục | | | | | |
| 2..1.2 | Số TTHC bãi bỏ, thay thể | Thủ tục | | | | | |
| 2.1.3 | Tổng số TTHC đang có hiệu lực | Thủ tục | 256 | 216 | 216 | 212 | |
| ***2.2*** | ***Chi phí tuân thủ TTHC*** | | | | | | |
| ***2.3*** | ***Vận hành cổng dịch vụ công*** | | | | | | |
| 2.3.1 | Số TTHC đã cập nhật, công khai trên cổng dịch vụ công quốc gia | Thủ tục | 256 | 216 | 216 | 212 | |
| 2.3.2 | Số TTHC mức dộ 3,4 đã tích hợp lê cổng DVC quốc gia | Thủ tục | | | 40 | 40 | |
| ***2.4.*** | ***Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông*** | | | | | | |
| 2.4.1 | Số TTHC liên thông cùng cấp | Thủ tục | 156 | 120 | 120 | 117 | |
| 2.4.2 | Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền | Thủ tục | 101 | 96 | 96 | 95 | |
| 2.4.3 | Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ (Theo quy trình ISO) | % | 100 | 100 | 100 | 100 | |
| 2.4.4 | Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa | % | 50 | 70 | 90 | 100 | |
| ***2.5.*** | ***Kết quả giải quyết TTHC*** | | | | | | |
| 2.5.1 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận giải quyết đúng hẹn | % | 100 | 100 | 100 | 99,8 | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2.52 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hẹn | % | 100 | 100 | 100 | 100 | |
| 2.5.3 | Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hẹn | % | 100 | 100 | 100 | 100 | |
| ***2.6.*** | ***Vận hành cổng dịch vụ công*** | | | | | | |
| 2.6.1 | Số TTHC được tích hợp lên cổng dịch vụ công | Thủ tục | 256 | 216 | 216 | 212 | |
| 2.6.2 | Số TTHC cung cấp mức độ 3,4 trên cổng dịch vụ công | Thủ tục | | | 40 | 40 | |
| 3 | **Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước** | | | | | | |
| ***3.1*** | ***Số liệu về biên chế công chức*** | | | | | | |
| 3.1.1 | Tổng số biên chế được giao trong năm | Người | 23 | 23 | 23 | 23 | |
| 3.1.2 | Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo | Người | 23 | 23 | 23 | 22 | |
| 3.1.3 | Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước | Người | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.1.4 | Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo | Người | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3.1.5 | Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015 | % | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| ***3.2*** | ***Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập*** | | | | | | |
| ***3.3*** | ***Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn trực thuộc , UBND xã.*** | | | | | | |
| 3.3.1 | Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch | Nhiệm vụ | | | | | |
| 3.3.2 | Số nhiệm vụ đã hoàn thành | Nhiệm vụ | | | | | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **4** | **Cải cách chế độ công vụ** | | | | | | |
| **5** | **Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử** | | | | | | |
| 5.1. | Cập nhật kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0 | Chưa=0<br>Hoàn thành=1 | 0 | 0 | 0 | 1 | |
| 5.2 | Xây dựng và vận hành hình thức họp trực tuyến | Chưa có =0<br>2 cấp = 1<br>3 cấp = 2 | 0 | 0 | 2 | 2 | |
| 5.3 | Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia | Chưa làm = 0<br>Đang làm = 1<br>Hoàn thành=2 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 5.4 | UBND xã được cấp chứng thư số | | Có | Có | Có | Có | |
| 5.5 | Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung | Chưa làm = 0<br>Đang làm = 1<br>Hoàn thành=2 | 1 | 1 | 1 | 1 | |
| 5.6 | Số liệu trao đổi văn bản điện tử | | | | | | |
| 5.6.1 | UBND xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện | | Có | Có | Có | Có | |
| 5.6.2 | Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện | Văn bản | 356 | 320 | 410 | 380 | |
| Trong đó | - Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử) | % | 60 | 80 | 90 | 100 | |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | - Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy. | % | 60 | 80 | 90 | 100 | |
| 5.7 | Kết nối liên thông với hệ thống thông tin một cửa cấp tỉnh | | Chưa | Chưa | Chưa | Chưa | |
| 5.8 | Dịch vụ công trực tuyến | | | | | | |
| 5.8.1 | Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 | TTHC | | | 10 | 8 | |
| 5.8.2 | Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4 | TTHC | | | 30 | 32 | |
| 5.8.3 | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3 | % | | | 100 | 100 | |
| 5.8.4 | Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4 | % | | | 98 | 98 | |

**Phụ lục 2**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ TTHC GIAI ĐOẠN 2018-2021**

| TT | Cơ quan, đơn vị | Số lượng PAKN được tiếp nhận | Kết quả xử lý | | Số PAKN đã xử lý được đăng tải công khai |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đã xử lý | Chưa xử lý | |
| 1 | UBND xã Hoằng Phụ | Không | | | |

**Phụ lục 3**

**BẢNG TỔNG HỢP TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT TTHC GIAI ĐOẠN 2018-2021**

| TT | Cơ quan, đơn vị | Năn 2018 | | | Năn 2019 | | | Năm 2020 | | | Năm 2021 | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng cộng | Đúng hạn | Quá hạn | Tổng cộng | Đúng hạn | Quá hạn | Tổng cộng | Đúng hạn | Quá hạn | Tổng cộng | Đúng hạn | Quá hạn |
| 1 | UBND xã Hoằng Phụ | 3.007 | 3.007 | | 4.278 | 4.278 | | 4.017 | 4.017 | | 1.909 | 1.905 | 4 |